

PHỤ LỤC

Danh mục nhiệm vụ triển khai Nghị quyết số 258/NQ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, góp phần thúc đẩy tăng trưởng hai con số giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh An Giang

(Kèm theo Kế hoạch số 532 /KH-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang)

Ghi chú:

- Phân loại nhiệm vụ theo 03 nhóm:

- + Loại A - Giao trực tiếp: nhiệm vụ Nghị quyết giao trực tiếp cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- + Loại B - Nhiệm vụ chung: nhiệm vụ Nghị quyết giao chung cho các bộ, cơ quan ngang bộ và UBND cấp tỉnh;
- + Loại C - Địa phương chuẩn bị triển khai/phối hợp: nhiệm vụ do cơ quan Trung ương chủ trì xây dựng thể chế, nền tảng, tiêu chuẩn, hướng dẫn hoặc hệ thống dùng chung; tỉnh chủ động chuẩn bị điều kiện để triển khai.

- Phân loại rủi ro:

- + R1: rủi ro thấp, ảnh hưởng cục bộ;
- + R2: rủi ro trung bình, ảnh hưởng tiến độ một nhóm nhiệm vụ;
- + R3: rủi ro cao, có thể ảnh hưởng trực tiếp KPI;
- + R4: rủi ro rất cao, có nguy cơ vi phạm yêu cầu của Nghị quyết, gây gián đoạn hoặc ảnh hưởng lớn đến người dân, doanh nghiệp.

- Căn cứ NQ 258: Ví dụ V.1.b có nghĩa là Mục V khoản 1 điểm b.

TT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Sản phẩm	Thời hạn TW	Thời hạn nội bộ	KPI/tiêu chí	Minh chứng	Rủi ro	Loại	Căn cứ NQ 258
1	Ban hành văn bản phân công triển khai Nghị quyết	VP UBND tỉnh	Các cơ quan	Kế hoạch	Trước 01/10/2026	Trước 20/9/2026*	Ban hành đúng hạn	Kế hoạch	R4	A	V.1.b
2	Ban hành văn bản phân công triển khai Nghị quyết	Các sở, UBND xã	VP UBND tỉnh	Kế hoạch	Trước 01/10/2026	Trước 30/9/2026*	Ban hành đúng hạn	Kế hoạch	R4	A	V.1.b

TT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Sản phẩm	Thời hạn TW	Thời hạn nội bộ	KPI/tiêu chí	Minh chứng	Rủi ro	Loại	Căn cứ NQ 258
3	Quản triệt CCHC TTHC là nhiệm vụ trọng tâm	Các sở, UBND xã	VP UBND tỉnh	Văn bản triển khai	Thường xuyên	Quý IV/2026*	100% đơn vị triển khai	Văn bản	R2	B	V.1.a
4	Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC	Các sở	VP UBND tỉnh	Kết quả rà soát	Thường xuyên	Hàng năm*	Có phương án xử lý	Báo cáo	R3	B	IV.1.a
5	Kiểm soát chặt việc ban hành TTHC tại địa phương	VP UBND tỉnh	Các sở, Sở Tư pháp	Hồ sơ kiểm soát	Thường xuyên	Thường xuyên	Không phát sinh trái quy định	Hồ sơ	R4	A	IV.3.b
6	Không làm phát sinh yêu cầu không cần thiết	Các sở	VP UBND tỉnh	Kết quả kiểm tra	2026-2030	Thường xuyên	0 trường hợp trái quy định	Biên bản	R4	A/B	III.2.a
7	Tái cấu trúc quy trình giải quyết TTHC	Các sở	VP UBND tỉnh	Quy trình mới	2026-2030	Ưu tiên 2026-2027*	Có vận hành thực tế	Log hệ thống	R3	B	IV.1.b
8	100% TTHC đủ điều kiện cung cấp toàn trình	Các sở	VP UBND tỉnh	Danh mục DVCTT	2027	31/12/2027	100%	Hệ thống	R4	B	III.2.b
9	Số hóa kết quả giải quyết	Các sở, UBND xã	VP UBND tỉnh, Sở KH&CN	Kết quả điện tử	2027	31/12/2027	100%	Dữ liệu	R4	B	III.2.b
10	Tái sử dụng dữ liệu	Các sở, UBND xã	Sở KH&CN,	Chức năng khai thác	2027	Theo lộ trình	Có sử dụng thực tế	Log	R3	B	III.2.b

TT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Sản phẩm	Thời hạn TW	Thời hạn nội bộ	KPI/tiêu chí	Minh chứng	Rủi ro	Loại	Căn cứ NQ 258
			VP UBND tỉnh								
11	Không yêu cầu lại giấy tờ đã có dữ liệu	Các sở	VP UBND tỉnh, UBND xã	Quy trình tiếp nhận	2027	Thường xuyên	Không yêu cầu lại trái quy định	Hồ sơ kiểm tra	R4	B	III.2.b
12	Điện tử hóa TTHC nội bộ	Các sở	Sở KH&CN	Quy trình điện tử	2027	31/12/2027	100% đủ điều kiện	Hệ thống	R3	B	III.2.d
13	Điện tử hóa chế độ báo cáo doanh nghiệp	Các sở	Sở KH&CN	Báo cáo điện tử	2027	31/12/2027	100% đủ điều kiện	Hệ thống	R3	B	III.2.đ
14	Thực hiện nguyên tắc cung cấp thông tin một lần	Các sở	VP UBND tỉnh	Quy trình	2027	31/12/2027	100% trường hợp đủ điều kiện	Log dữ liệu	R4	B	III.2.đ
15	Kết nối, chia sẻ dữ liệu	Sở KH&CN	Các sở	Kết nối kỹ thuật	2026-2030	Theo từng CSDL	Kết nối ổn định	Biên bản kiểm thử	R4	B	IV.1.b
16	Rà soát hạ tầng kỹ thuật	Sở KH&CN	VP UBND tỉnh	Báo cáo	Thường xuyên	Hàng năm	Không gây gián đoạn kéo dài	Báo cáo	R3	A	IV.3.c
17	Rà soát an toàn thông tin	Sở KH&CN	Công an tỉnh	Báo cáo ATTT	Thường xuyên	Hàng năm	Đáp ứng yêu cầu	Hồ sơ ATTT	R4	A	IV.3.c
18	Xây dựng phương án Kiosk thông minh (trường hợp chưa bố trí)	VP UBND tỉnh	Sở KH&CN, Công an tỉnh	Đề án/phương án	2026-2030	2026-2027	Có phương án	Hồ sơ	R3	A	IV.3.a

TT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Sản phẩm	Thời hạn TW	Thời hạn nội bộ	KPI/tiêu chí	Minh chứng	Rủi ro	Loại	Căn cứ NQ 258
19	Hỗ trợ nhóm yếu thế sử dụng Kiosk	UBND xã	VP UBND tỉnh	Phương án hỗ trợ	2026-2030	Khi triển khai	Có giải pháp hỗ trợ	Checklist	R2	A	IV.3.a
20	Thực hiện TTHC không phụ thuộc địa giới	Các sở, ban, ngành theo lĩnh vực	VP UBND tỉnh; UBND cấp xã	Quy trình	Đến 2030	Theo lộ trình*	Bảo đảm tiếp nhận, xử lý đúng quy trình khi phát sinh hồ sơ thực tế	Văn bản triển khai; log/hồ sơ phát sinh	R4	A	IV.3.d
21	Rà soát phân cấp, ủy quyền	Các sở	Sở Tư pháp	Báo cáo	Thường xuyên	Hàng năm	Không bỏ sót nhiệm vụ	Báo cáo	R3	B	IV.1.c
22	Bảo đảm, bố trí nguồn lực và kinh phí thực hiện nhiệm vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Tài chính; VP UBND tỉnh	Dự toán/phương án nguồn lực	Thường xuyên	Theo nhu cầu	Không gián đoạn	Hồ sơ	R4	B	IV.1.d
23	Đánh giá chênh lệch năng lực	Sở Nội vụ	Các đơn vị	Báo cáo	Thường xuyên	Hàng năm	Có giải pháp hỗ trợ	Báo cáo	R3	B	IV.1.d
24	Đào tạo, bồi dưỡng	Sở Nội vụ (CCHC, kỹ năng chung); các sở, ngành (chuyên	VP UBND tỉnh; UBND cấp xã	Kế hoạch/lớp/tài liệu	Thường xuyên	Hàng năm	Cán bộ, công chức được bồi dưỡng theo yêu cầu nhiệm vụ	Hồ sơ lớp	R2	B	IV.1.d

TT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Sản phẩm	Thời hạn TW	Thời hạn nội bộ	KPI/tiêu chí	Minh chứng	Rủi ro	Loại	Căn cứ NQ 258
		môn, nghiệp vụ)									
25	Kiểm tra thực hiện TTHC	VP UBND tỉnh	Các đơn vị	Biên bản	Thường xuyên	Hàng năm	Có xử lý tồn tại	Biên bản	R3	B	IV.1.đ
26	Phát hiện yêu cầu ngoài quy định	VP UBND tỉnh	Các sở, UBND xã	Kết quả kiểm tra	Thường xuyên	Thường xuyên	100% trường hợp được xử lý	Hồ sơ	R4	B	IV.1.đ
27	Áp dụng hậu kiểm trên cơ sở rủi ro	Các sở	VP UBND tỉnh	Tiêu chí/quy trình	Theo TW	Khi có hướng dẫn	Có áp dụng phù hợp	Quy trình	R3	B/C	II.2; IV.2.b
28	Giám sát dựa trên dữ liệu	VP UBND tỉnh*	Sở KH&CN	Bộ chỉ báo	2026-2030	Từ 2027*	Có dữ liệu giám sát	Dashboard	R3	B	II.2
29	Tiếp nhận, xử lý PAKN	VP UBND tỉnh	Các sở	Kết quả xử lý	Thường xuyên	Đúng hạn	100% đúng hạn theo mục tiêu 2030	Hệ thống PAKN	R4	B	IV.1.e
30	Công khai kết quả PAKN	VP UBND tỉnh	Các sở	Kết quả công khai	2030	Thường xuyên	100% đúng hạn	Dữ liệu	R3	B	III.2.e
31	Đối thoại người dân, doanh nghiệp	Các sở, ban, ngành theo nội	VP UBND tỉnh; cơ quan, tổ	Hội nghị	Định kỳ	Ít nhất 01 lần/năm và khi cần thiết*	Có đối thoại thực chất; kiến nghị được	Biên bản hoặc Thông báo kết luận	R2	B	IV.1.e

TT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Sản phẩm	Thời hạn TW	Thời hạn nội bộ	KPI/tiêu chí	Minh chứng	Rủi ro	Loại	Căn cứ NQ 258
		dung/lãnh vực; UBND xã	chức có liên quan				tiếp nhận, xử lý/theo dõi				
32	Tham vấn đề xuất cải cách	Các sở	VP UBND tỉnh	Hồ sơ tham vấn	Khi cần	Theo phương án	Có phản hồi thực chất	Hồ sơ	R2	B	IV.1.e
33	Theo dõi SIPAS giải quyết TTHC	VP UBND tỉnh*	Các sở, UBND xã	Báo cáo	2030	Hàng năm*	≥95% năm 2030	Báo cáo	R4	B	III.2.e
34	Đánh giá dựa trên dữ liệu thời gian thực	VP UBND tỉnh*	Sở KH&CN	Hệ thống theo dõi	2030	Từng bước từ 2027*	Có dữ liệu thời gian thực	Dashboard	R3	B	III.2.e,g
35	Phối hợp Cổng DVCQG/Hệ thống điều phối	Công an tỉnh, Sở KH&CN	VP UBND tỉnh	Kết nối	Theo TW	Theo lộ trình	Thông suốt	Log	R4	C	IV.4.b
36	Triển khai hướng dẫn kỹ thuật Bộ KH&CN	Sở KH&CN	VP UBND tỉnh	Văn bản triển khai	Quý IV/2026	Ngay sau hướng dẫn	Đầy đủ nội dung áp dụng	Văn bản	R3	C	IV.6
37	Kiểm tra, công khai và báo cáo	VP UBND tỉnh	Các cơ quan	Báo cáo	Thường xuyên	Lồng ghép báo cáo KSTTHC	Đúng hạn	Báo cáo	R3	B	V.1.c,e
38	Xây dựng Dashboard quản trị Nghị quyết	VP UBND tỉnh*	Sở KH&CN	Dashboard	NQ không quy định	2026-2027*	Theo dõi được toàn bộ nhiệm vụ	Dashboard	R2	B*	III.2.e; V.1.c

TT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Sản phẩm	Thời hạn TW	Thời hạn nội bộ	KPI/tiêu chí	Minh chứng	Rủi ro	Loại	Căn cứ NQ 258
39	Phát động phong trào thi đua KSTTHC 2026-2030	VP UBND tỉnh*	Cơ quan TĐKT; các đơn vị	Kế hoạch phong trào	NQ không quy định	Quý IV/2026*	100% đơn vị triển khai	Kế hoạch, văn bản hưởng ứng	R2	B*	II.3; IV.1.a; V.1.a,c
40	Sơ kết, tổng kết, nhân rộng mô hình, sáng kiến	VP UBND tỉnh*	Các sở, UBND xã	Báo cáo, hồ sơ khen thưởng	NQ không quy định	Hàng năm; tổng kết 2030*	Có mô hình/sáng kiến tiêu biểu	Báo cáo, quyết định	R2	B*	III.2.e; V.1.c

Ghi chú: Dấu “*” thể hiện nội dung do tỉnh chủ động cụ thể hóa về cơ quan đầu mối, thời hạn nội bộ hoặc công cụ quản trị; không phải phân công trực tiếp của Chính phủ tại Nghị quyết số 258/NQ-CP.